

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600642822 ngày 18 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

**Trụ sở đăng ký**

Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn  
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>645.972.091.051</b>	<b>481.207.043.158</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>170.749.288.073</b>	<b>192.322.689.219</b>
Tiền	111		8.749.288.073	15.322.689.219
Các khoản tương đương tiền	112		162.000.000.000	177.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>228.000.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	228.000.000.000	6.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.973.219.452</b>	<b>73.740.805.933</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	36.640.851.289	70.216.051.396
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.756.904.027	1.611.854.580
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.575.464.136	1.912.899.957
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>201.463.119.084</b>	<b>204.562.354.324</b>
Hàng tồn kho	141		203.858.901.386	205.124.509.069
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.395.782.302)	(562.154.745)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.786.464.442</b>	<b>4.081.193.682</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.191.820.636	724.637.300
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.884.311	1.347.507.137
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		558.759.495	2.009.049.245

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>268.393.741.510</b>	<b>277.739.915.766</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>217.236.648.112</b>	<b>226.546.665.983</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	216.914.356.419	226.192.624.290
Nguyên giá	222		400.707.380.671	401.812.281.971
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.793.024.252)	(175.619.657.681)
Tài sản cố định vô hình	227	11	322.291.693	354.041.693
Nguyên giá	228		549.000.000	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(226.708.307)	(194.958.307)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>6.557.748.717</b>	<b>7.359.461.203</b>
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.947.928.202)	(27.146.215.716)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.463.116.646</b>	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.463.116.646	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>43.136.228.035</b>	<b>43.833.788.580</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	43.136.228.035	43.833.788.580
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>914.365.832.561</b>	<b>758.946.958.924</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>504.388.249.010</b>	<b>424.692.948.656</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>504.209.539.010</b>	<b>424.592.948.656</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	210.101.864.864	228.667.429.679
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.344.077.917	6.646.448.075
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	12.693.045.809	690.929.825
Phải trả người lao động	314		132.443.710	30.117.943
Chi phí phải trả	315	16	37.393.523.082	35.351.071.355
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.127.120.843	4.456.999.034
Vay ngắn hạn	320	18	221.444.373.972	142.776.863.932
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.973.088.813	5.973.088.813
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>178.710.000</b>	<b>100.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		178.710.000	100.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>409.977.583.551</b>	<b>334.254.010.268</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>409.977.583.551</b>	<b>334.254.010.268</b>
Vốn cổ phần	411	20	223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	28.929.813.094	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		157.064.030.457	94.563.716.626
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.340.457.174	6.408.653.614
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/kỳ trước	421b		75.723.573.283	88.155.063.012
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>914.365.832.561</b>	<b>758.946.958.924</b>

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân  
 Kế toán Trưởng



Phan Trọng Chinh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu kỳ	
			2023 VND	2022 VND	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	463.627.198.160	376.075.678.394	869.615.723.278	727.667.473.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.321.790.000	-	5.332.568.920	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>461.305.408.160</b>	<b>376.075.678.394</b>	<b>864.283.154.358</b>	<b>727.667.473.573</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	350.948.520.260	315.766.786.405	662.178.592.905	602.303.145.132
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>110.356.887.900</b>	<b>60.308.891.989</b>	<b>202.104.561.453</b>	<b>125.364.328.441</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.990.673.520	2.409.241.499	9.881.992.579	3.176.812.254
Chi phí tài chính	22	26	3.095.840.456	909.099.544	5.717.204.486	1.470.494.450
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.279.834.296	76.577.909	4.223.657.198	181.080.359
Chi phí bán hàng	25		37.723.592.782	27.371.725.482	98.431.500.693	60.682.782.027
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.823.923.175	7.154.709.590	22.522.329.242	13.829.145.548
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>67.704.205.007</b>	<b>27.282.598.872</b>	<b>85.315.519.611</b>	<b>52.558.718.670</b>
Thu nhập khác	31		130.000.000	111.268.307	1.852.341.324	294.409.347
Chi phí khác	32		20.103.838	91.216.211	72.024.440	252.048.960
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>109.896.162</b>	<b>20.052.096</b>	<b>1.780.316.884</b>	<b>42.360.387</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang trang tiếp theo)</b>	<b>50</b>		<b>67.814.101.169</b>	<b>27.302.650.968</b>	<b>87.095.836.495</b>	<b>52.601.079.057</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu kỳ	
			2023 VND	2022 VND	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (mang từ trang trước sang)	50		67.814.101.169	27.302.650.968	87.095.836.495	52.601.079.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.729.677.101	3.601.711.609	11.372.263.212	6.691.813.997
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		59.084.424.068	23.700.939.359	75.723.573.283	45.909.265.060
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.638	1.058	3.381	2.050

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân  
Kế toán Trưởng



Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>87.095.836.495</b>	<b>52.601.079.057</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		10.675.598.357	11.197.833.157
Các khoản dự phòng	03		3.265.341.140	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		330.912.870	284.524.681
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.871.278.083)	(2.194.828.087)
Chi phí lãi vay	06		4.223.657.198	181.080.359
			<b>97.720.067.977</b>	<b>62.069.689.167</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>			
Biến động các khoản phải thu	09		37.322.373.235	48.437.501.906
Biến động hàng tồn kho	10		(166.105.900)	(199.230.396)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.012.889.007)	(72.691.564.486)
Biến động chi phí trả trước	12		581.990.409	(643.823.389)
			<b>126.445.436.714</b>	<b>36.972.572.802</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.229.224.282)	(186.367.774)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.606.382.816)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(3.730.620.172)
			<b>122.216.212.432</b>	<b>25.449.292.040</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>			
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.982.381.023)	(896.511.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		130.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(228.000.000.000)	-
Tiền thu từ tất toán tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		6.500.000.000	70.618.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.941.942.466	2.067.109.429
			<b>(222.410.438.557)</b>	<b>71.788.598.429</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		275.489.128.906	38.905.031.564
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(196.859.228.114)	(38.210.417.804)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>78.629.900.792</b>	<b>694.613.760</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(21.564.325.333)</b>	<b>97.932.414.229</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>192.322.689.219</b>	<b>41.410.827.367</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(9.075.813)</b>	<b>1.926.976</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>170.749.288.073</b>	<b>139.345.168.572</b>

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Người lập:

  
 Trần Thị Ái Liên  
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

  
 Nguyễn Thành Luân  
 Kế toán Trưởng



  
 Phan Trọng Chinh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt NET là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2023: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng.

### **(c) Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

### **(d) Nhân sự Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 331 nhân viên (1/1/2023: 442 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

3/3/2023  
BỘ  
GT

## Công ty Cổ phần Bột giặt NET

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý này được lập cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản đầu tư

##### (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## Công ty Cổ phần Bột giặt NET

### Thuyết minh báo cáo tài chính kết cho kỳ thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 8 năm đến 10 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

***(i) Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị của nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

***(ii) Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- vật kiến trúc 5 – 20 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí sử dụng hạ tầng***

Chi phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## Công ty Cổ phần Bột giặt NET

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (o) Doanh thu

##### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### (ii) Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### (iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### (iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### (q) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	96.608.111	277.088.159
Tiền gửi ngân hàng	8.652.679.962	15.045.601.060
Các khoản tương đương tiền	162.000.000.000	177.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	170.749.288.073	192.322.689.219
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi tiền.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	228.000.000.000	6.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	19.605.819.153	59.286.912.372
Công Ty TNHH Meadeli Sài Gòn	-	77.140.963
Công Ty TNHH Meadeli HN	-	64.544.973

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự thu lãi tiền gửi	4.349.445.206	550.109.589
Ký cược. ký quỹ	103.200.000	1.038.600.000
Tạm ứng	40.123.034	36.846.534
Phải thu khác	82.695.896	287.343.834
	4.575.464.136	1.912.899.957

**9. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.244.368.440	-	9.901.589.292	-
Nguyên vật liệu	171.409.949.461	(2.395.782.302)	167.250.483.520	(562.154.745)
Công cụ và dụng cụ	418.321.630	-	71.237.723	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	438.940.445	-	2.202.474.983	-
Thành phẩm	27.345.377.410	-	20.115.333.074	-
Hàng hóa	1.944.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	5.583.390.477	-
	203.858.901.386	(2.395.782.302)	205.124.509.069	(562.154.745)

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	562.154.745	-
Tăng dự phòng trong kỳ	3.265.341.140	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(1.431.713.583)	-
Số dư cuối kỳ	2.395.782.302	-

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 2.396 triệu VND (1/1/2023: 562 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

396  
C  
C  
SỘT  
7-7

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	228.053.188.786	160.254.900.876	11.416.818.097	2.087.374.212	401.812.281.971
Tăng trong kỳ	-	231.868.000	332.000.000	-	563.868.000
Thanh lý trong kỳ	-	-	(1.668.769.300)	-	(1.668.769.300)
Số dư cuối kỳ	228.053.188.786	160.486.768.876	10.080.048.797	2.087.374.212	400.707.380.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	61.211.674.324	105.125.602.274	7.872.926.033	1.409.455.050	175.619.657.681
Khấu hao trong kỳ	5.248.865.414	4.074.989.885	413.957.632	104.322.940	9.842.135.871
Thanh lý trong kỳ	-	-	(1.668.769.300)	-	(1.668.769.300)
Số dư cuối kỳ	66.460.539.738	109.200.592.159	6.618.114.365	1.513.777.990	183.793.024.252
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	166.841.514.462	55.129.298.602	3.543.892.064	677.919.162	226.192.624.290
Số dư cuối kỳ	161.592.649.048	51.286.176.717	3.461.934.432	573.596.222	216.914.356.419

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 79.812 triệu VND (1/1/2023: 76.377 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	549.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	194.958.307
Khấu hao trong kỳ	31.750.000
Số dư cuối kỳ	226.708.307
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	354.041.693
Số dư cuối kỳ	322.291.693

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	24.792.972.159	2.353.243.557	27.146.215.716
Khấu hao trong kỳ	769.980.852	31.731.634	801.712.486
Số dư cuối kỳ	25.562.953.011	2.384.975.191	27.947.928.202
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	6.934.101.052	425.360.151	7.359.461.203
Số dư cuối kỳ	6.164.120.200	393.628.517	6.557.748.717

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.593 triệu VND (1/1/2023: 2.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	42.121.326.078	1.712.462.502	43.833.788.580
Tăng trong kỳ	-	482.553.200	482.553.200
Phân bổ trong kỳ	(564.124.902)	(615.988.843)	(1.180.113.745)
Số dư cuối kỳ	41.557.201.176	1.579.026.859	43.136.228.035

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	4.428.779.300	6.317.948.160
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	-	3.294.749.582
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery Distribution	-	89.100.000

Các khoản phải trả thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

36  
C  
C  
BỘ  
T

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ cần trừ trong kỳ VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	585.384.502	76.709.252.823	74.473.076.773	-	2.821.560.552
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.245.114.404	11.245.114.404	-	-
Thuế nhập khẩu	-	597.654.078	597.654.078	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.372.263.212	1.500.777.955	-	9.871.485.257
Thuế thu nhập cá nhân	105.545.323	1.392.724.606	2.057.029.424	558.759.495	-
Thuế khác	-	218.043.808	218.043.808	-	-
	690.929.825	101.535.052.931	90.091.696.442	558.759.495	12.693.045.809

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mại và hỗ trợ bán hàng	17.335.447.533	24.984.863.753
Chi phí vận chuyển	2.984.033.744	1.467.558.071
Chi phí lãi vay	131.576.939	137.144.023
Chi phí khác	16.942.464.866	8.761.505.508
	<b>37.393.523.082</b>	<b>35.351.071.355</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	6.790.000.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	111.395.248	66.794.616
Cổ tức phải trả	8.661.430	8.661.430
Phải trả khác	217.064.165	3.194.642.988
	<b>7.127.120.843</b>	<b>4.456.999.034</b>



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong kỳ		Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	142.776.863.932	142.776.863.932	275.489.128.906	(196.859.228.114)	37.609.248	221.444.373.972	221.444.373.972

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	6,1% - 7,0%	192.926.552.244	109.726.083.000
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	3,6% - 3,9%	28.517.821.728	33.050.780.932
			<b>221.444.373.972</b>	<b>142.776.863.932</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	118.400.523.614	358.090.817.256
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	45.909.265.060	45.909.265.060
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	164.309.788.674	404.000.082.316
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	94.563.716.626	334.254.010.268
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	75.723.573.283	75.723.573.283
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	13.223.259.452	(13.223.259.452)	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	223.983.740.000	28.929.813.094	157.064.030.457	409.977.583.551

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ thường được thành lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh trong tương lai.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	15.115	354.101.682	523.940	12.265.427.909
▪ EUR	196	4.959.490	202	4.983.736
		<u>359.061.172</u>		<u>12.270.411.645</u>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Doanh thu bán hàng	865.422.482.950	706.263.899.778
▪ Doanh thu dịch vụ, gia công và bất động sản cho thuê	2.485.034.560	19.288.184.257
▪ Doanh thu khác	1.708.205.768	2.115.389.538
	<hr/>	<hr/>
	869.615.723.278	727.667.473.573
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiếu khấu thương mại	5.332.568.920	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	864.283.154.358	727.667.473.573
	<hr/>	<hr/>

**24. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	657.309.519.570	586.385.016.062
▪ Giá vốn dịch vụ, gia công và bất động sản cho thuê	1.446.053.796	15.132.127.843
▪ Giá vốn khác	157.678.399	786.001.227
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.265.341.140	-
	<hr/>	<hr/>
	662.178.592.905	602.303.145.132
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	7.741.278.083	2.194.828.087
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.140.714.496	981.984.167
	<hr/>	<hr/>
	9.881.992.579	3.176.812.254

**26. Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.493.547.288	1.289.414.091
Chi phí lãi vay	4.223.657.198	181.080.359
	<hr/>	<hr/>
	5.717.204.486	1.470.494.450



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ báo cáo là 75.724 triệu VND (cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 45.909 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 22.398.374 cổ phiếu (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	75.723.573.283	45.909.265.060
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	75.723.573.283	45.909.265.060

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 Cổ phiếu	30/6/2022 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	22.398.374	22.398.374

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.381	2.050

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính trong kỳ, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho kỳ kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	206.223.666.779	88.544.998.731
Mua hàng hóa	110.039.541	30.358.340.798
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</b>		
Mua hàng hóa	28.898.936.600	22.272.591.000
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam</b>		
Mua hàng hóa	8.524.581.306	17.102.557.775
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce</b>		
Bán hàng hóa	-	129.381.060
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.489.274	-
<b>Công ty Cổ phần Masan JinJu</b>		
Bán hàng hóa	9.160.720	86.974.600
<b>Công ty TNHH Meadeli Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa	11.450.900	-
<b>Công ty TNHH Thực Phẩm 3F Việt</b>		
Bán hàng hóa	8.015.630	-
<b>Công ty TNHH Meadeli HN</b>		
Bán hàng hóa	10.688.048	-
<b>Công ty Cổ phần 3F Việt - CN Hà Nam 02</b>		
Bán hàng hóa	10.688.048	-
<b>Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro</b>		
Bán hàng hóa	-	1.187.165
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	72.000.000	635.909.000

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Ái Liên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân  
Kế toán Trưởng



Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc